

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG VIỆC ĐIỀU HÒA LỢI ÍCH VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ THỜI KỲ HỘI NHẬP

Quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ là sự gắn kết khách quan giữa các thành viên trong xã hội tồn tại trên cơ sở lợi ích từ tài sản trí tuệ và vì lợi ích từ các tài sản đó thuộc phạm vi sở hữu công nghiệp cũng như bản quyền và các quyền kế cận. Sự gắn kết này được tạo thành bởi những mối liên hệ cơ bản giữa các chủ thể sáng tạo, sở hữu, sử dụng tài sản ấy mà các chủ thể này, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, gồm không chỉ là những cá nhân, tổ chức trong phạm vi biên giới lãnh thổ quốc gia mà còn có cả các thành viên thuộc phạm vi quốc tế; mỗi chủ thể lại có hệ thống lợi ích, động cơ, mục đích và cách thức thực hiện lợi ích khác nhau. Trong đó, chủ thể sáng tạo là nguồn gốc của việc tạo ra đối tượng tài sản trí tuệ mang lợi ích, chủ thể sử dụng thì khai thác giá trị sử dụng của các tài sản đó làm cho lợi ích của chúng được phát huy trong đời sống và sản xuất của con người, nhưng định đoạt sự phân phối lợi ích lại thuộc về vai trò của chủ sở hữu, vì chủ thể này đã tạo ra những tiền đề cần thiết cho sự hình thành bản thân tài sản trí tuệ với tư cách là đối tượng trung tâm mà từ đó các quan hệ lợi ích được phát sinh. Sự phân phối lợi ích này, đến lượt nó, lại có vai trò tạo ra động lực thúc đẩy sức sáng tạo phát triển mạnh mẽ hơn, nếu trong quá trình ấy những mâu thuẫn và xung đột lợi ích được hạn chế bởi một hệ thống cơ chế điều chỉnh hướng tới sự cân bằng lợi ích giữa các bên và cho các chủ thể trong đó. Đây là căn nguyên kinh tế cho sự hình thành hệ thống cơ chế bảo hộ lợi ích thuộc phạm vi sở hữu trí tuệ.

Với tư cách là cá nhân, tổ chức nắm giữ tài sản trí tuệ có quyền định đoạt việc phân bổ lợi ích, lợi ích từ tài sản trí tuệ của chủ sở hữu cần được bảo hộ như một tất yếu kinh tế không thể phủ định. Song, nếu tuyệt đối hoá lợi ích của chủ sở hữu mà xem nhẹ vai trò của chủ thể sáng tạo và sử dụng tài sản trí tuệ và lợi ích của họ không được bảo hộ một cách thoả đáng, thì cơ chế bảo hộ lợi ích trí tuệ ấy là một hệ thống kém hoàn chỉnh. Sẽ là phiến diện nếu hệ thống cơ chế điều chỉnh quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ chỉ tập trung vào bảo đảm lợi ích của chủ sở hữu. Bởi lẽ, khi có sự tách biệt giữa chủ sở hữu và sáng tạo tài sản trí tuệ thì việc tuyệt đối hoá lợi ích độc quyền của chủ sở hữu chưa hẳn đã đem lại động lực thúc đẩy sáng tạo cho xã hội. Sự thiếu hoàn thiện này sẽ

tạo ra lực cản và nhiều xung đột kìm hãm phát triển do động lực sáng tạo bị triệt tiêu. Hệ quả tất yếu là xã hội phải chịu sự mất mát những cơ hội được thụ hưởng lợi ích nhiều hơn nếu các tài sản trí tuệ được tạo ra nhiều hơn. Đó cũng chính là quy luật vận động của quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Khác với quan hệ xã hội hay pháp lý thông thường, quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ mang bản chất kinh tế phản chiếu hình ảnh của mặt quan hệ sản xuất trong thời đại toàn cầu hoá cùng những bước tiến ban đầu của nhân loại đi vào nền kinh tế tri thức. Đồng thời, quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ phản ánh bản chất của chế độ xã hội tương ứng. Bản chất đó quy định tính đặc thù của quan hệ lợi ích này so với các quan hệ lợi ích trong các lĩnh vực khác của nền kinh tế quốc dân. Những đặc trưng cơ bản ấy có thể được nhận diện bao gồm từ đối tượng tài sản trí tuệ mà từ đó tồn tại, phát sinh lợi ích và các quan hệ liên quan, đến phạm vi tác động tới đời sống xã hội của nó cũng như khả năng lợi ích dễ bị xâm hại do tính chất có thể tạo khả năng áp dụng không giới hạn của tài sản trí tuệ, do những mâu thuẫn xung đột lợi ích có thể xảy ra trong mọi điều kiện và không phân biệt đó là mối quan hệ giữa chủ thể sở hữu với sử dụng hay giữa chủ thể sáng tạo với sở hữu, cũng như giữa người sử dụng và sáng tạo tài sản trí tuệ. Điều đó dẫn tới việc, muốn bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các chủ thể trong quan hệ đó thì điều cần chú ý là làm giảm đi những xung đột và mâu thuẫn lợi ích nhằm tạo sự lành mạnh bên trong, đồng thời, không chỉ chú ý vào bản thân mối quan hệ mà còn phải chú ý tới việc tạo ra đối tượng tài sản mà từ đó quan hệ lợi ích phát sinh và biến hoá.

Sự tham gia ngày càng chặt chẽ vào hệ thống quan hệ kinh tế thế giới của nền kinh tế của mỗi nước sẽ làm biến đổi cấu trúc cũng như cách thức thực hiện lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ của quốc gia tương ứng. Đó là việc hiện diện ngày càng đông đảo các chủ thể lợi ích đến từ quốc tế, đồng thời cá nhân, tổ chức trong nước cũng có thể tham gia khai thác lợi ích từ tài sản trí tuệ của mình trong thị trường thế giới. Cơ chế thúc đẩy sự biến đổi này phải kể tới những công ước, hiệp định quốc tế mà các nước là các thành viên tham gia. Đến lượt nó, việc bảo đảm hài hoà lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ lại có thể góp phần giúp một quốc gia kém phát triển thực hiện được công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa của mình thông qua khai thác cơ hội thu hút đầu tư, phát triển thương mại, chuyển giao công nghệ, tạo lập nền kinh tế độc lập, tự chủ, từ đó,

củng cố an ninh quốc phòng và thiết lập nên hình ảnh một dân tộc có nền văn hoá tiên tiến mang đậm bản sắc trong môi trường toàn cầu cạnh tranh mỗi ngày thêm gay gắt. Tuy nhiên, ẩn chứa phía sau tác động tích cực đó, thực tế cho thấy không phải quốc gia nào cũng có thể khai thác được những cơ hội từ lĩnh vực sở hữu trí tuệ một cách vô điều kiện. Trái lại, thậm chí quốc gia đó sẽ phải đánh đổi lợi ích của đất nước nếu không có một tầm nhìn chiến lược thấu đáo và một nền tảng sáng tạo tài sản trí tuệ phát triển.

Nguyên nhân của điều đó là vì quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ hình thành và phát triển chịu tác động của không phải chỉ đơn nhất bởi một yếu tố mà hơn thế, bởi tổng hợp các nhân tố trong tất cả các mặt từ kinh tế, chính trị, xã hội, tâm lý, văn hoá, cơ chế vận hành nền kinh tế và cách thức phân chia lợi ích của nền kinh tế đó, đến các yếu tố trong nước cũng như quốc tế. Trong số đó, trước hết phải kể tới sự phát triển của hệ thống sáng tạo trong nước và vai trò quan trọng của trình độ phát triển của nền kinh tế thị trường sở tại, cùng mức độ hội nhập nền kinh tế thế giới. Nhà nước là nhân tố hết sức quan trọng trong việc bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các chủ thể trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ theo hướng có lợi hoặc không làm thua thiệt lợi ích đất nước, trong khi vẫn bảo đảm mức độ hợp lý lợi ích chính đáng thuộc phạm vi lĩnh vực sở hữu trí tuệ của các chủ thể nước ngoài, nếu Nhà nước ấy có một bộ máy minh bạch và trách nhiệm.

Quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ ở Việt Nam được hình thành và phát triển một cách tất yếu khi hội nhập kinh tế quốc tế và phản ánh tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với lĩnh vực này. Mặc dù có thời gian hình thành và phát triển chưa dài, song quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ ở Việt Nam đã có nhiều chuyển biến phù hợp với các điều kiện và thể chế quốc tế mà Việt Nam đã ký kết. Đó là việc có sự quan tâm ngày càng sâu sắc của chủ sở hữu đến xác lập độc quyền sở hữu tài sản trí tuệ và lợi ích từ chúng trên tất cả các khía cạnh thuộc phạm vi sở hữu công nghiệp cũng như bản quyền và các quyền kế cận; việc khai thác lợi ích từ tài sản trí tuệ trong nước cũng như các chủ thể nước ngoài được thực hiện với nhiều hình thức đa dạng phù hợp với cơ chế thị trường. Quan hệ giữa các chủ thể sở hữu và sáng tạo, giữa chủ thể sở hữu và sử dụng tài sản trí tuệ ngày càng được phân biệt rõ, theo đó, lợi ích của các chủ thể liên quan theo vai trò của chúng được ghi nhận và đáp ứng ở mức độ nhất định. Điều này phản ánh tác động của cơ chế bảo hộ lợi ích trong lĩnh vực

sở hữu trí tuệ của Việt Nam luôn được bổ sung theo các chuẩn mực quốc tế, đến khả năng và cách thức phân chia lợi ích giữa các chủ thể cũng như vai trò của việc bảo hộ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ ở Việt Nam trong những năm qua đối với việc góp phần nâng cao hiệu quả của hội nhập kinh tế quốc tế. Biểu hiện dễ thấy hơn cả là cứ sau mỗi bước cam kết thực thi bảo hộ sở hữu trí tuệ với đối tác thì nền kinh tế tiến thêm một bậc trong các nấc thang hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới và theo đó, những dòng đầu tư nước ngoài đi vào, dòng hàng hóa dịch vụ trong nước đi ra thị trường thế giới mỗi năm một tăng cao, tạo điều kiện nâng dần kim ngạch xuất, nhập khẩu của nền kinh tế Việt Nam cũng như tạo cơ hội để người dân trong nước được thoả mãn những thành tựu mới về văn học nghệ thuật trên thế giới trong những năm gần đây.

Cũng chính quá trình phát triển rút ngắn cùng với nhiều yếu tố khác như sự chông chéo trong cơ chế điều tiết, sự phát triển kém của hệ thống sáng tạo trong nước, sự phối hợp chưa hiệu quả giữa các cơ quan thực thi, nền kinh tế thị trường sơ khai, thực hiện hội nhập trước sự tác động của nhiều làn sóng thay đổi trong nền kinh tế thế giới, nhận thức của công chúng và doanh nghiệp trong nước thấp đã là những nguyên nhân sâu xa, khách quan, chủ quan gây ra tình trạng mâu thuẫn và xung đột lợi ích một cách phổ biến và phức tạp ở Việt Nam hiện nay.

Đó là những xung đột lợi ích phổ biến giữa chủ sở hữu và sử dụng tài sản trí tuệ trên cả phạm vi sở hữu công nghiệp cũng như bản quyền tác giả; đó là những xung đột lợi ích diễn ra không chỉ giữa các chủ thể trong nước mà có cả các chủ thể nước ngoài; hình thức của những xung đột lợi ích đó không những liên quan đến các nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp mà còn liên quan tới cả các sáng chế, giải pháp hữu ích; xâm phạm lợi ích diễn ra không chỉ giữa các cá nhân với nhau mà tiêu cực hơn là ngày càng có nhiều doanh nghiệp thực hiện hành vi xâm phạm lợi ích từ tài sản trí tuệ của các chủ thể sáng tạo và sở hữu. Tình hình này đặc biệt nổi bật ở phạm vi bản quyền giữa các nhà xuất bản với người sáng tạo văn học nghệ thuật, giữa người sáng tạo ca khúc với các đơn vị doanh nghiệp kinh doanh. Cách thức thực hiện hành vi xâm phạm lợi ích của chủ thể sở hữu, chủ thể sáng tạo gây ra bởi các chủ thể khác ngày càng tinh vi và táo bạo. Nói chung, với các xung đột lợi ích đó, mọi chủ thể sáng tạo, sở hữu, sử dụng tài sản trí tuệ đều bị thiệt hại lợi ích, trong đó người tiêu dùng là dân chúng

bị thiệt hại lợi ích kép, đe dọa đến sức khoẻ và kinh tế. Như vậy, xét ở phạm vi xã hội, đây là những nguyên nhân làm giảm phúc lợi cả trước mắt cũng như lâu dài trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ở nước ta.

Để khắc phục những mâu thuẫn và xung đột phức tạp như vậy, các giải pháp không thể chỉ nhấn mạnh vào một mặt quan hệ nào trong các quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ hiện nay ở nước ta mà còn phải chú ý tới toàn diện các mặt và các mối quan hệ, tới không chỉ bản thân quan hệ mà còn phải chú ý tới nhân tố thuộc lực lượng sản xuất thúc đẩy quan hệ phát triển, tới không chỉ giải pháp giải quyết các xung đột trước mắt mà còn phải chú ý cả những giải pháp bảo đảm hài hoà lợi ích lâu dài giữa các chủ thể trong quan hệ lợi ích và giữa các chủ thể lợi ích trong nước và chủ thể lợi ích nước ngoài, chú ý từ hoàn thiện cơ chế điều chỉnh quan hệ lợi ích tới bộ máy thực thi trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Hài hoà hoá lợi ích giữa các chủ thể trong quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ là việc giảm thiểu những xung đột lợi ích theo hướng bảo đảm lợi ích phù hợp với vai trò của các chủ thể đó trong quan hệ với việc sáng tạo, phân phối và sử dụng tài sản trí tuệ. Về lâu dài, đối với Việt Nam, quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ phải góp phần hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần thúc đẩy sự tiến bộ và giải phóng lực lượng sản xuất. Trước mắt, việc bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các chủ thể phải nhằm vào việc thúc đẩy đổi mới và hoạt động sáng tạo, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá, nâng cao khả năng thoả mãn nhu cầu vật chất, tinh thần của nhân dân thông qua nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

Các giải pháp cần được thực hiện nhằm đáp ứng mục tiêu tổng quát trên bao gồm hai nhóm cơ bản:

1) Nhóm giải pháp trước mắt khắc phục những mâu thuẫn và xung đột lợi ích giữa các chủ thể trong quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Thuộc nhóm này gồm có: Nâng cao năng lực tự thực hiện bảo vệ lợi ích của các chủ thể trong quan hệ lợi ích; Kiện toàn và hình thành mới trung tâm bảo vệ lợi ích thuộc phạm vi bản quyền; Nâng cao năng lực thực thi bảo hộ lợi ích sở hữu trí

tuệ trong ngành Hải quan; Hoàn thiện cơ chế điều chỉnh quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập;

2) Nhóm giải pháp về bảo đảm hài hoà lợi ích lâu dài trong quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, gồm: Nâng cao hiệu quả hoạt động sáng tạo; Xây dựng hệ thống tiếp cận tài sản trí tuệ giúp các chủ thể đa dạng hoá được khả năng thực hiện lợi ích từ tài sản trí tuệ, trong đó gồm thành lập các trung tâm giao dịch về sở hữu trí tuệ, kiện toàn thị trường công nghệ; Xây dựng thị trường bản quyền; Chuẩn hoá nguồn nhân lực tham gia bảo đảm hài hoà quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; Xây dựng văn hoá về tôn trọng lợi ích hợp pháp của các chủ thể trong quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; Hình thành hệ thống Tòa án chuyên trách về sở hữu trí tuệ và thiết lập sự cân bằng lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; Phát huy vai trò của Nhà nước trong bảo đảm hài hoà quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Để thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp như trên cần quán triệt những quan điểm như: kết hợp vai trò của Nhà nước và thị trường trong bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các chủ thể trong quan hệ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ; việc giải quyết các xung đột lợi ích có yếu tố nước ngoài cần thực hiện linh hoạt và triệt để; khi giải quyết các xung đột và mâu thuẫn lợi ích giữa các chủ thể cần xem xét trong tính toàn diện các yếu tố ảnh hưởng, chú ý tới mối quan hệ với vấn đề an ninh quốc phòng; đi đôi với việc bảo đảm hài hoà lợi ích, cần chú trọng phát triển hệ thống sáng tạo trong nước và nâng cao thu nhập của nhân dân và nhận thức của họ nhằm giảm thiểu những xung đột về lợi ích trong quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Trong đó, xét về lâu dài, để Việt Nam có thể khai thác tốt lợi ích thuộc phạm vi sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế thì giải pháp và quan điểm có tính chất kiên quyết là nâng cao năng lực sáng tạo của đất nước.

Phát huy vai trò của Nhà nước tạo điều kiện cho sự hài hoà lợi ích giữa các chủ thể thuộc phạm vi quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ cần thực hiện các giải pháp:

1. Quỹ quốc gia về phổ biến tài sản trí tuệ cho khu vực nông nghiệp nông thôn

Quỹ này nhằm nâng cao khả năng thụ hưởng lợi ích từ tài sản trí tuệ cho nhân dân thuộc địa bàn nông nghiệp nông thôn.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, muốn có tài sản trí tuệ đều phải mua bằng tiền, điều này đặc biệt rõ trong quan hệ lợi ích với các chủ thể sáng tạo tài sản sở hữu trí tuệ nước ngoài. Nhưng từ bản chất của nó, cơ chế thị trường không thể thực hiện tốt mọi chức năng xã hội. Trong khi một xã hội lại không thể phát triển được nếu chỉ chạy theo mục tiêu lợi nhuận. Vậy sự bù đắp bằng vai trò của Nhà nước trong xây dựng mối quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế là điều tất yếu.

Việt Nam đã có chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và các doanh nghiệp Việt Nam có thể được hỗ trợ kinh phí cho thực hiện phát triển tài sản trí tuệ của mình. Đây là một bước tiến trong việc thể hiện vai trò của Nhà nước đối với giải quyết quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, nếu chỉ dừng lại ở khu vực doanh nghiệp thì chưa đủ.

Đối với Việt Nam hiện nay, cần phát triển quỹ hỗ trợ tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp thành quỹ quốc gia về phổ biến tài sản trí tuệ, nhằm mục tiêu đem lại lợi ích cho các chủ thể khác trong xã hội trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, trong đó đặc biệt chú ý khu vực nông thôn.

Quỹ quốc gia về phổ biến tài sản trí tuệ được dùng vào mục đích mua bản quyền những tác phẩm văn học nghệ thuật phục vụ cho việc nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, mua bản quyền thuốc chữa bệnh nhằm giảm thiểu chi phí cho người nghèo khi chữa bệnh phải mua thuốc có giá cả độc quyền cao.

Quỹ quốc gia về phổ biến tài sản trí tuệ cũng dùng vào việc mua những công nghệ của các chủ thể sáng tạo nước ngoài, nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước đối với những công nghệ mà trong nước không có, trong khi đó lại liên quan đặc biệt đến đời sống của nhân dân nông thôn.

Những công nghệ liên quan đến địa bàn nông nghiệp, nông thôn, như công nghệ năng lượng sạch, công nghệ sinh học, giống cây trồng hiện nay vẫn được “thả nổi” cho khu vực doanh nghiệp tự điều tiết mà chưa thực sự phát huy vai

trò của Nhà nước. Trong khi đó, khu vực này lại rất cần những công nghệ phù hợp để cải thiện đời sống nhân dân, hiện nay chưa có quỹ nào đáp ứng được mục tiêu này. Việc tăng cường bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với giống cây trồng hiện nay trong thế giới đang làm cho nông thôn Việt Nam khó tiếp cận hơn đối với những giống cây trồng mới để nâng cao năng suất lao động xã hội và do đó cải thiện đời sống nông dân khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Về tổ chức, quỹ quốc gia về phổ biến tài sản sở hữu trí tuệ cần đặt dưới sự giám sát của Quốc hội, trực tiếp là Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường của Quốc hội. Tất nhiên, việc thực hiện vẫn phải thuộc Chính phủ nhưng giám sát việc sử dụng quỹ và hiệu quả của việc phổ biến tài sản trí tuệ cần được đặt dưới sự giám sát của Ủy ban nói trên.

Cơ chế sử dụng quỹ quốc gia về phổ biến tài sản trí tuệ cần được xây dựng chặt chẽ và khoa học ngay từ đầu nhằm tránh cơ chế xin cho, lạm dụng quỹ để tư túi, làm thiệt hại đến lợi ích của nhân dân. Trước mắt, cần thực hiện theo cơ chế nguyện vọng từ dưới lên, đặc biệt là tại khu vực nông thôn, nông nghiệp, nông dân, tránh việc chạy theo sức ép giải ngân mà thực hiện vô nguyên tắc, gây thất thoát và phá sản quỹ này. Trong tương lai, việc bảo tồn quỹ cần thu lại từ nguồn lợi ích mà những tài sản trí tuệ đã thực hiện bằng nguồn quỹ mà có được, nhằm bảo đảm tính bền vững của quỹ.

2. Xây dựng chiến lược quốc gia về sở hữu trí tuệ

Chiến lược quốc gia về sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế là hệ thống những chính sách và mục tiêu mang tính dài hạn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ nhằm giúp tranh thủ được những cơ hội tạo ra từ hệ thống bảo hộ sở hữu trí tuệ thế giới, khắc phục được những tác động không mong muốn từ việc bảo hộ đó, để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong nước, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

Chiến lược quốc gia về sở hữu trí tuệ có vai trò trong việc định hình một cách dài hạn những điều kiện và tiềm năng, những nhân tố thúc đẩy quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ phát triển trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Chính vì lẽ đó, việc xây dựng và ban hành một chiến lược quốc gia về sở hữu trí tuệ có ý nghĩa như một giải pháp góp phần nâng cao tiềm năng thụ hưởng các ích lợi trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ cho các chủ thể sở hữu và sáng tạo Việt Nam

cùng như nhân dân lao động trong quá trình hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới. Những chính sách cụ thể về sở hữu trí tuệ của Việt Nam hiện nay mới chỉ mang tính trung hạn, chưa thể hiện tầm chiến lược quốc gia.

Nội dung chiến lược quốc gia cần thể hiện được hệ thống những chính sách và mục tiêu lớn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ như:

Thứ nhất, bộ phận chiến lược về thúc đẩy sáng tạo, trong đó khẳng định rõ đường lối chính sách sáng tạo quốc gia là thực hiện theo con đường nào.

Trong điều kiện nền kinh tế thế giới hiện nay, Việt Nam rất khó đi theo con đường chiến lược của Nhật Bản trước đây là bắt chước một cách miễn phí và đổi mới. Mặc dù chúng ta có thể mong muốn thực hiện theo mô hình đó, nhưng lịch sử khó lặp lại. Trong điều kiện hiện nay, mọi sự bắt chước đều phải trả học phí, thậm chí rất đắt. Nguyên do là công nghệ luôn được các nước phát triển và các tập đoàn độc quyền bảo hộ nghiêm ngặt. Vì vậy, việc thể hiện rõ mục tiêu chiến lược quốc gia về sáng tạo nằm trong chiến lược chung về sở hữu trí tuệ là hết sức cần thiết. Phù hợp với tình hình hiện nay của Việt Nam, cần thực hiện chiến lược sáng tạo theo mô hình khơi dậy nội lực là chính.

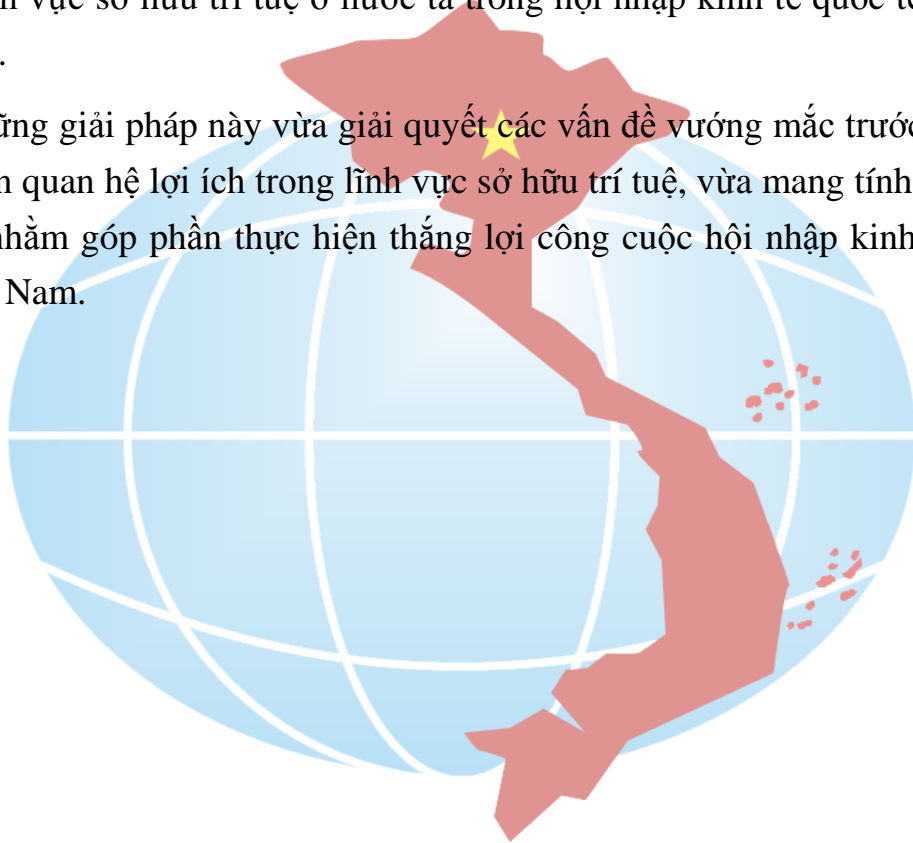
Thứ hai, chiến lược khai thác hiệu quả kết quả của hệ thống sáng tạo quốc gia. Chiến lược này không chỉ thể hiện các chính sách khai thác sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp mà còn cả trong lĩnh vực sáng tạo văn học nghệ thuật.

Thứ ba, bộ phận chiến lược bảo hộ và pháp lý về sở hữu trí tuệ trong điều kiện toàn cầu hoá. Xây dựng chiến lược bảo hộ lợi ích tài sản trí tuệ Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế không chạy theo hướng xem nhẹ lợi ích của nhân dân trong nước. Nội dung chiến lược này cần bao gồm các chính sách dài hạn về thúc đẩy, tạo điều kiện cho các chủ thể sáng tạo của Việt Nam có thể khai thác được lợi ích từ tài sản trí tuệ của mình trong thị trường quốc tế. Chính sách về sẵn sàng giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trên trường quốc tế nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các chủ thể Việt Nam trong quá trình khai thác lợi ích từ tài sản trí tuệ của mình. Thực hiện lồng ghép chiến lược sở hữu trí tuệ quốc gia với chiến lược an ninh quốc phòng trong tình hình mới. Đây là nội dung đặc biệt cần phải có trong chiến lược quốc gia về sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế. Về hình thức công bố thì riêng nội dung lồng

ghép với chiến lược an ninh quốc phòng trong tình hình mới cần đặt dưới dạng bí mật quốc gia, còn các nội dung khác hoàn toàn có thể công khai, cho toàn thể nhân dân biết và thực hiện.

Tóm lại, với đặc trưng hết sức phức tạp của quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong hội nhập kinh tế quốc tế, việc thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp mang tính liên kết với nhau nhằm tạo sự hài hoà trong quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ ở nước ta trong hội nhập kinh tế quốc tế là hết sức cần thiết.

Những giải pháp này vừa giải quyết các vấn đề vướng mắc trước mắt trong phát triển quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, vừa mang tính chiến lược lâu dài nhằm góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.



TTBD ĐBDC

